

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 02 tháng 01 năm 2014

88

Ngày 02 tháng 01 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố một số thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực  
Hành chính - Tư pháp áp dụng tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1509/TTr-STP ngày 24 tháng 12 năm 2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này một số thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Hành chính - Tư pháp áp dụng tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm sao y và chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan chuyên môn cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc công khai và thực hiện các thủ tục hành chính này theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp; Cục kiểm soát TTHC;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đài PTTH QB, Báo QB;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

Kg: CT, các PCT UBND

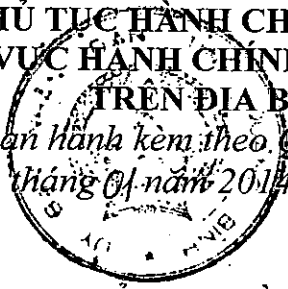
P. Tư pháp, VP (Đ/Lý) Website

UBND các xã, phường



**CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI TRONG  
LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH - TƯ PHÁP ÁP DỤNG TẠI CẤP XÃ  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05 /QĐ-UBND  
ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)*



**PHẦN I  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH-TƯ PHÁP MỚI BAN HÀNH**

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>   | <b>Nội dung</b>   | <b>Số trang</b> |
|-----------|---|-------------------|-----------------|
| 1         | Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước để đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài | TTHC ban hành mới | 3               |
| 2         | Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới  | TTHC ban hành mới | 7               |
| 3         | Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con ở khu vực biên giới   | TTHC ban hành mới | 12              |

**PHẦN II**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**SAU KHI ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI**

**1. Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước để đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài**

**\* Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Cá nhân có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài nộp hồ sơ và lệ phí trực tiếp tại UBND cấp xã nơi đăng ký thường trú (trường hợp không có nơi đăng ký thường trú thì nộp tại UBND cấp xã nơi đăng ký tạm trú):

Địa chỉ: Trụ sở UBND cấp xã nơi đăng ký thường trú (trường hợp không có nơi đăng ký thường trú là trụ sở UBND cấp xã nơi đăng ký tạm trú)

Thời gian: Trong giờ hành chính vào các ngày làm việc trong tuần

**Bước 2:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí, UBND cấp xã gửi văn bản xin ý kiến Sở Tư pháp kèm theo 01 bộ hồ sơ.

**Bước 3:** Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của UBND cấp xã, Sở Tư pháp thực hiện thẩm tra, xác minh và có văn bản trả lời UBND cấp xã kèm trả hồ sơ; nếu từ chối giải quyết, Sở Tư pháp giải thích rõ lý do bằng văn bản gửi UBND cấp xã để thông báo cho người yêu cầu.

**Bước 3:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND cấp xã ký Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và cấp cho người yêu cầu.

**\* Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại UBND cấp xã.

**\* Thành phần hồ sơ:**

- + Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (theo mẫu quy định);
- + Bản sao một trong các giấy tờ để chứng minh về nhân thân như Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế;
- + Bản sao sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú của người yêu cầu.
- + Trường hợp công dân Việt Nam đã ly hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận về việc ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**\* Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí.

**\* Cơ quan thực hiện TTHC:**

- + Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Tư pháp;

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã;
- + Cơ quan phối hợp: Phòng Tư pháp các huyện, thành phố.
- \* **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
- \* **Đối tượng thực hiện TTHC:** Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.
- \* **Mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Tờ khai đăng ký hết hôn (*Mẫu TP/HT-2013-TKXNHN ban hành kèm theo Thông tư 09b/2013/TT-BTP ngày 20/5/2013 của Bộ Tư pháp*)

\* **Phí, lệ phí:** 3.000 đồng

(*Quyết định số 19/2010/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của UBND tỉnh*)

\* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 24/2013/NĐ-CP:

Là công dân Việt Nam, thực hiện cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân với mục đích để làm thủ tục đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài.

\* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- + Bộ luật Dân sự năm 2005;
- + Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- + Nghị định 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;
- + Thông tư 08.a/2010/TTBTP ngày 25/3/2010 về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch;
- + Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010;
- + Thông tư 09b/2013/TT-BTP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch và Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 08.a/2010/TT-BTP.
- + Quyết định số 19/2010/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc mức thu các loại phí, lệ phí, các khoản đóng góp và tỉ lệ phần trăm các khoản trích lại cho các đơn vị thu trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

\* Ghi chú: Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

Mẫu TP/HT-2013-TKXNHN

(Ban hành kèm theo Thông tư 09b/2013/TT-BTP)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI CẤP GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN**

Kính gửi: .....

Họ và tên người khai: .....

Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Nơi thường trú/tạm trú: .....

Quan hệ với người được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: .....

**Đề nghị cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có tên dưới đây:**

Họ và tên: ..... Giới

tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh: .....

Nơi sinh: .....

Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế: .....

Nơi thường trú/tạm trú<sup>(1)</sup>: .....

Nghề nghiệp: .....

Trong thời gian cư trú tại .....

..... từ ngày.....tháng.....năm ....., đến ngày..... tháng

..... năm<sup>(2)</sup> .....

Tình trạng hôn nhân<sup>(3)</sup> .....

Mục đích của việc yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân<sup>(4)</sup>: .....

.....

.....

.....

.....

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

Làm tại:....., ngày..... tháng..... năm.....

**Người khai**



(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....

Chú thích:

(1) Trường hợp công dân Việt Nam cư trú trong nước thì ghi theo nơi đăng ký thường trú, trong trường hợp không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú.

Trường hợp công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài thì ghi theo địa chỉ thường trú hoặc tạm trú ở nước ngoài.

(2) Chỉ khai trong trường hợp công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú ở nước ngoài hoặc trong thời gian cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh.

(3) Đối với công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thì khi rõ tình trạng hôn nhân hiện tại: đang có vợ hoặc có chồng; hoặc chưa đăng ký kết hôn lần nào; hoặc đã đăng ký kết hôn, nhưng đã ly hôn hay người kia đã chết.

Đối với công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh, thì khai về tình trạng hôn nhân của mình trong thời gian đã cư trú tại nơi đó (Ví dụ: trong thời gian cư trú tại ....., từ ngày..... tháng .... năm ..... đến ngày ..... tháng ..... năm ..... chưa đăng ký kết hôn với ai).

Đối với công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài, có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú ở nước ngoài, thì khai về tình trạng hôn nhân của mình trong thời gian cư trú tại nước đó (Ví dụ: trong thời gian cư trú tại CHLB Đức từ ngày ..... tháng ..... năm ..... đến ngày ..... tháng ..... năm ..... không đăng ký kết hôn với ai tại Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức);

(4) Ghi rõ mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình hôn nhân. Trường hợp sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để kết hôn, thì phải ghi rõ kết hôn với ai (họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nơi thường trú/tạm trú); nơi đăng ký kết hôn.

## 2. Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới

### \* Trình tự thực hiện:

**Bước 1:** Cá nhân ở khu vực biên giới có yêu cầu đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài với công dân của nước láng giềng thường trú ở khu vực biên giới với Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp xã thường trú của công dân Việt Nam ở khu vực biên giới.

Địa chỉ: UBND cấp xã thường trú của công dân Việt Nam ở khu vực biên giới

Thời gian: Trong giờ hành chính vào các ngày làm việc trong tuần

**Bước 2:** Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp xã có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ. Sau khi đã thẩm tra hồ sơ, UBND cấp xã có công văn, kèm theo bản sao 01 bộ hồ sơ (bản sao không cần chứng thực) gửi Sở Tư pháp đề xin ý kiến.

**Bước 3:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn của UBND cấp xã, Sở Tư pháp xem xét hồ sơ và trả lời bằng văn bản cho UBND cấp xã.

Trường hợp từ chối đăng ký kết hôn, Sở Tư pháp có văn bản gửi UBND cấp xã để thông báo cho hai bên nam, nữ, trong đó nêu rõ lý do.

**Bước 4:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý của Sở Tư pháp, UBND cấp xã thực hiện đăng ký kết hôn như đối với trường hợp đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam với nhau ở trong nước theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch.

\* **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại UBND cấp xã.

\* **Thành phần hồ sơ:**

- Các giấy tờ phải nộp:

+ Tờ khai đăng ký kết hôn (theo mẫu quy định);

+ Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân hoặc Tờ khai đăng ký kết hôn có xác nhận tình trạng hôn nhân đối với công dân Việt Nam; giấy tờ để chứng minh về tình trạng hôn nhân của công dân nước láng giềng do cơ quan có thẩm quyền của nước đó cấp.

Giấy tờ quy định tại điểm này được cấp chưa quá 06 tháng, tính đến ngày nhận hồ sơ, xác nhận hiện tại người đó là người không có vợ hoặc không có chồng.

+ Đối với công dân Việt Nam đã ly hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hoặc người nước ngoài đã ly hôn với công dân Việt Nam tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận về việc đã ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Các giấy tờ phải xuất trình:

+ Giấy chứng minh nhân dân biên giới đối với công dân Việt Nam; trường hợp không có Giấy chứng minh nhân dân biên giới thì xuất trình giấy tờ chứng

minh việc thường trú ở khu vực biên giới kèm theo giấy tờ tùy thân khác để kiểm tra;

+ Giấy tờ tùy thân hoặc giấy tờ khác đối với công dân nước láng giềng do cơ quan có thẩm quyền của nước đó cấp để chứng minh việc người đó thường trú ở khu vực biên giới với Việt Nam.

- *Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng lập, cấp hoặc xác nhận phải dịch ra tiếng Việt, có cam kết của người dịch về việc dịch đúng nội dung, không cần chứng thực chữ ký người dịch.*

\* **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

\* **Thời hạn giải quyết:** 27 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

\* **Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp;

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã.

\* **Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận kết hôn.

\* **Đối tượng thực hiện TTHC:** Công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng thường trú ở khu vực biên giới với Việt Nam

\* **Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu tờ khai TP/HT-2013-TKĐKKH.

*(Theo Thông tư 09b/2013/TT-BTP ngày 20/5/2013 của Bộ Tư pháp).*

\* **Phí, lệ phí:** không

\* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Điều kiện kết hôn (*được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình*):

- Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn. Cụ thể nam đã bước sang tuổi 20 (ngày hôm sau của sinh nhật lần thứ 19), nữ đã bước sang tuổi 18 (ngày hôm sau của sinh nhật lần thứ 17) là đủ tuổi kết hôn;

- Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định, không bên nào được ép buộc, lừa dối bên nào, không ai được cưỡng ép hoặc cản trở. Điều này được thể hiện qua việc cả hai bên nam, nữ đều ký vào Tờ khai đăng ký kết hôn và thể hiện ý kiến tại Lễ đăng ký kết hôn;

b) Những trường hợp cấm kết hôn (*được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình*):

Người đang có vợ hoặc có chồng; mất năng lực hành vi dân sự; giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, bố chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, bố dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng; giữa những người cùng giới tính;

\* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Nghị định 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;

+ Thông tư 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch;

+ Thông tư số 09b/2013/TT-BTP ngày 20/5/2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch và Thông tư 05/2012/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP;

+ Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 về đăng ký và quản lý hộ tịch;

+ Thông tư 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp về việc Hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/ NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.



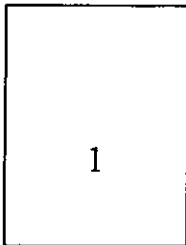
**\* Ghi chú: Mẫu tờ khai đính kèm**

**Mẫu TP/HT-2013-TKĐKKH**

**(Ban hành kèm theo Thông tư 09b/2013/TT-BTP)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**



**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KẾT HÔN**

Kính gửi:.....

| Người khai  | Bên nam | Bên nữ |
|---|---------|--------|
| Họ và tên   |         |        |
| Ngày, tháng, năm sinh                             |         |        |
| Dân tộc   |         |        |
| Quốc tịch   |         |        |
| Nơi thường trú/tạm trú                            |         |        |
| Số Giấy CMND/Hộ chiếu/<br>Giấy tờ hợp lệ thay thế |         |        |
| Nghề nghiệp                                       |         |        |
| Kết hôn lần thứ mấy                               |         |        |

Chúng tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc kết hôn của chúng tôi không vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị ..... đăng ký.

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

**Xác nhận về tình trạng hôn nhân của  
cơ quan có thẩm quyền**

**Bên nam**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Bên nữ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....  
.....

.....  
.....

.....  
.....

Xác nhận này có giá trị trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày xác nhận.

Ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI KÝ GIẤY XÁC NHẬN**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

.....

**Chú thích:** (1), (2) Trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, thì phải dán ảnh của hai bên nam, nữ

### **3. Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài ở khu vực biên giới**

#### **\* Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Cá nhân ở khu vực biên giới có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài với công dân của nước láng giềng thường trú ở khu vực biên giới với Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại UBND cấp xã nơi đăng ký thường trú ở khu vực biên giới.

Địa chỉ: UBND cấp xã nơi thường trú của công dân Việt Nam ở khu vực biên giới

Thời gian: Trong giờ hành chính vào các ngày làm việc trong tuần

**Bước 2:** Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND cấp xã có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ, thực hiện niêm yết việc nhận cha, mẹ, con trong thời gian 07 ngày liên tục tại trụ sở UBND. Hết thời hạn niêm yết, UBND cấp xã có công văn, kèm theo bản sao 01 bộ hồ sơ (bản sao không cần chứng thực) gửi Sở Tư pháp đề xin ý kiến.

**Bước 3:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn của UBND cấp xã, Sở Tư pháp xem xét hồ sơ và trả lời bằng văn bản cho UBND cấp xã.

Trường hợp từ chối đăng ký kết hôn, Sở Tư pháp có văn bản gửi UBND cấp xã để thông báo cho hai bên nam, nữ, trong đó nêu rõ lý do.

**Bước 3:** Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp, UBND cấp xã thực hiện đăng ký việc nhận cha, mẹ, con như đối với trường hợp đăng ký việc nhận cha, mẹ, con giữa công dân Việt Nam với nhau ở trong nước theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch.

**\* Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại trụ sở UBND cấp xã.

#### **\* Thành phần hồ sơ:**

+ Tờ khai nhận cha, mẹ, con (theo mẫu quy định);

+ Căn cứ chứng minh quan hệ cha con, mẹ con (nếu có).

- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng lập, cấp hoặc xác nhận phải dịch ra tiếng Việt, có cam kết của người dịch về việc dịch đúng nội dung, không cần chứng thực chữ ký người dịch.

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

**\* Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 27 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

#### **\* Cơ quan thực hiện TTHC:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp;

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp xã.

**\* Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định.



\* **Đối tượng thực hiện TTHC:** Công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng thường trú ở khu vực biên giới với Việt Nam.

\* **Mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con (theo mẫu TP/HTN Ng-2010-CMC.1)

*(Theo Thông tư 09b/2013/TT-BTP ngày 20/5/2013 của Bộ Tư pháp)*

\* **Phí, lệ phí:** Không

\* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Điều kiện nhận cha, mẹ, con *(quy định tại Điều 18, Nghị định 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ):*

- Việc nhận cha, mẹ, con giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, giữa công dân Việt Nam với nhau mà ít nhất một bên định cư ở nước ngoài, giữa người nước ngoài với nhau mà ít nhất một bên thường trú tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định này chỉ được thực hiện, nếu bên nhận và bên được nhận còn sống vào thời điểm nộp hồ sơ, việc nhận cha, mẹ, con là tự nguyện và không có tranh chấp về việc nhận cha, mẹ, con.

- Trong trường hợp người được nhận là con chưa thành niên thì phải có sự đồng ý của người đang là mẹ hoặc cha, trừ trường hợp người đó đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự. Nếu con chưa thành niên từ đủ chín tuổi trở lên thì việc nhận cha, mẹ, con phải có sự đồng ý của người con đó.

- Con đã thành niên nhận cha không phải có sự đồng ý của mẹ, nhận mẹ không phải có sự đồng ý của cha.

- Trường hợp con chưa thành niên nhận cha thì mẹ làm thủ tục nhận cha cho con, nhận mẹ thì cha làm thủ tục cho con. Trường hợp con chưa thành niên nhận cha mà người mẹ đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc nhận mẹ mà người cha đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự thì người giám hộ làm thủ tục nhận cha hoặc nhận mẹ cho con.

\* **Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;

+ Thông tư 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch;

+ Thông tư 05/2012/TT-BTP ngày 23/5/2012 Thông tư sửa đổi Thông tư 08.a/2010/TTBTP ngày 25/3/2010 về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch;

+ Thông tư số 09b/2013/TT-BTP ngày 20/5/2013 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu

mẫu hộ tịch và Thông tư 05/2012/TT-BTP ngày 23/5/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP.





**\* Ghi chú: Mẫu tờ khai đính kèm:**

*Mẫu TP/HTNNg-2010-CMC.1*

*(Theo Thông tư 09b/2013/TT-BTP ngày 20/5/2013)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ VIỆC NHẬN CHA, MẸ, CON**

Kính gửi:.....

Họ và tên người khai: .....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/tạm trú:  
.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:.....

Quan hệ với người nhận cha/mẹ/con:(1).....

Đề nghị ..... công nhận người có tên dưới đây:

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/tạm trú :.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:.....

Là..... của người có tên dưới đây:

Họ và tên: .....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/tạm trú:  
.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:.....

Tôi cam đoan việc nhận.....nói trên là đúng sự thật, tự nguyện, không có tranh chấp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị ..... đăng ký.

Làm tại.....ngày .....tháng.....năm.....

**Người khai**



Ý kiến của người hiện đang là mẹ hoặc cha (2)  
con (3)

Ý kiến của người được nhận là cha, mẹ,

**Các giấy tờ kèm theo:**

.....  
.....  
.....

**Chú thích:**

- (1) Không cần thiết trong trường hợp bản thân là người nhận cha, mẹ, con;*
- (2) Chỉ cần thiết trong trường hợp cha hoặc mẹ nhận con chưa thành niên (trừ trường hợp người đó đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự);*
- (3) Nếu nhận trẻ em dưới 9 tuổi làm con, thì không cần ý kiến của người con.*